Phụ lục 100
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG BẢNG GIÁ ĐẤT LẦN ĐẦU TỈNH AN GIANG
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 01 THÁNG 01 NĂM 2026
XÃ PHÚ HOÀ

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số /2026/NQ-HĐND ngày tháng năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh An Giang)

A. ĐẤT Ở

Sửa đổi, bổ sung nội dung tại số thứ tự 31, 32, 33, 46, 49, 50, 51, 53, 57, 58, 59, 61,63,67,71,73,74,75,76, 88,89,90 Phụ lục 100 ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND ngày 30 tháng 12 năm 2025 như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	31	Nhựa 5,5m liên xã (phía Tây rạch Bờ Ao) (Chùa Khánh Hòa - Ranh ấp Hòa Tây A)	390	Sửa tên ;Nhựa 5,5m liên xã (rạch Bờ Ao) (Chùa Khánh Hòa - Ranh ấp Hòa Tây A)
2	32	Bê tông 2m liên xã (phía Đông rạch Bờ Ao) (Cầu Phú Hòa - Ranh ấp Hòa Tây A)	390	Sửa tên ; Bê tông 2m liên xã (bờ Bắc rạch Bờ Ao) (Cầu Phú Hòa - Ranh ấp Hòa Tây A)
3	46	Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm Khu vực ấp Đông An, Tây Bình A, Tây Bình B, Tây Bình C		Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn nằm tại trung tâm Khu vực ấp Vĩnh Hòa, Vĩnh Trung, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh:)
		- Nhựa 5,5m liên xã (kênh Mặc Cần Dện Lớn) (Kênh Thanh Niên-Trụ sở Ban ấp Tây Bình B)	480	

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
4	49	Chợ Cũ:		
		- Đường nhựa 5.5m liên xã - Hết đường (Kênh Mặc Cần Dện lớn - Hết đường)	720	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường nhựa 5.5m liên xã - Hết đường (Cầu Phú Hòa - Ranh Phú Thuận))
5	50	Chợ Mới:		
		- Khu vực 2 bên nhà lồng chợ	1.440	Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực 2 bên nhà lồng chợ (Mương Trâu - Kênh Mặc Cần Dện Lớn))
		- Khu vực Trung tâm chợ không thuận lợi kinh doanh (Chợ Tây Bình B)	924	Khu vực Trung tâm chợ không thuận lợi kinh doanh (Trần Phú - Kênh Mười Cai)
6	51	Chợ Tây Bình C:		
		- Cặp lộ nhựa (Kênh T5 – Tổ Y tế)	1.200	Sửa tên đường (Tên cũ: Cặp lộ nhựa (Kênh T5 - Suốt tuyến))
		Tiếp giáp nhà lồng chợ thuận lợi kinh doanh	840	Sửa tên đường (Tên cũ:Tiếp giáp nhà lồng chợ thuận lợi kinh doanh (Kênh Xã Đội - Rạch Bờ Ao))
		- Các đường còn lại trong chợ	600	Sửa tên đường (Tên cũ: Các đường còn lại trong chợ (Đường liên xã 3.5m (Kênh Mặc Cần Dện Lớn) - Cầu Vương Văn Lập))

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
*	*	Đường nhựa liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh cây xăng Tân Anh - Cầu Mương Trâu):		
7	53	Nhựa 5,5m Bờ phía Nam (Ranh Phú Hòa - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên) (không tính đoạn TTHC xã))	403	Sửa tên ; Nhựa 5,5m Bờ phía Nam (Ranh Vĩnh Chánh - Ranh Mỹ Thạnh (Long Xuyên) (không tính đoạn TTHC xã))
*	*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I (Đông An, Tây Bình A, Tây Bình B, Tây Bình C:):		Sửa tên đường (Tên cũ: Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp I (Khu vực ấp Vĩnh Hòa, Vĩnh Trung, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh):)
8	57	Nhựa 5,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Phú Hòa - Ranh Vĩnh Trạch (Kênh T7))	345	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 5,5m liên xã (kênh Đòn Dong) (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh (Kênh T7)))
*	*	Đất ở nông thôn tiếp giáp đường đất, đường nhựa, bê tông liên xã và tiếp giáp kênh cấp II (Trần Phú - Bến cảng KCN) (Khu vực ấp Phú Hữu, Phú An, Phú Thiện, Hòa Đông, Thanh Niên):		
9	58	Nhựa 5,5m liên xã (rạch Bờ Ao) (Rạch Xẻo Gòn - Kênh Xáng Mới)	288	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 3,5m liên xã (rạch Bờ Ao) (Ranh Phú Hòa - Kênh Xáng Mới))

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
10	59	Bê tông 3m liên xã (rạch Bờ Ao) (Rạch Xẻo Gòn - Ranh Mỹ Thạnh)	138	Sửa tên đường (Tên cũ: Bê tông 3m liên xã (rạch Bờ Ao) (Ranh Phú Hoà - Ranh Mỹ Thạnh))
11	61	Nhựa 5,5m liên xã (kênh Xáng Mới) (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong)	230	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 3,5m liên xã (kênh Xáng Mới) (Rạch Bờ Ao - Kênh Đòn Dong))
12	63	Bê tông 2m liên xã (kênh Xã Đội) (Kênh Tư Hẹ - Kênh Đòn Dong)	115	Sửa tên ; Bê tông 2m liên xã (kênh Xã Đội) (Ranh Phú Hòa - Kênh Đòn Dong)
13	67	Đường đất (kênh Ông Đốc) (Ranh Phú Hòa - kênh Cái Sắn)	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất (kênh Ông Đốc) (Ranh Vĩnh Chánh - kênh Cái Sắn))
		- Cầu Đình Vĩnh Chánh - Cầu ngang nhà ông Phí	460	Sửa tên đường (Tên cũ: Ranh Phú Hòa - Cầu ngang nhà ông 2 Ngữ
		- Cầu ngang nhà ông 2 Ngữ - Kênh Thanh niên	207	Sửa tên đường (Tên cũ: Cầu ngang nhà ông Phí - Kênh Thanh niên
14	71	Ban ấp Mới Tây Bình B – Cầu 2A (không tính khu vực chợ Tây Bình B)	207	Sửa tên đường (Tên cũ: Ban ấp Mới Tây Bình B - Ranh Vĩnh Khánh (không tính khu vực chợ Tây Bình B)

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
15	73	Đường cấp phối (kênh Mặc Cần Dện nhỏ) (Hết đường bê tông - Kênh Thanh Niên)	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cấp phối (kênh Mặc Cần Dện nhỏ) (Cầu Đình - Kênh Thanh Niên)
16	74	Nhựa 5,5m (kênh Thanh Niên) (Kênh Mặc Cần Dện Lớn - Kênh Đòn Dong)	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 5,5m (kênh Thanh Niên) (Cầu sắt kênh Hậu 1 - Kênh Đòn Dong)
17	75	Đường đất (kênh Thanh Niên) (Kênh Mặc Cần Dện Lớn – Kênh Đòn Dong)	115	Sửa tên đường (Tên cũ:Suốt đường nhựa 5,5m (kênh Thanh Niên) (Cầu sắt kênh Hậu 1 - Kênh Đòn Dong)
18	76	Đường cấp phối (kênh Xã Đội) (Cầu Vương Văn Lập - Kênh Đoàn Dong)	115	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cấp phối (kênh Xã Đội) (Ranh Phú Hòa - Kênh Đoàn Dong)
		- Rạch Bờ Ao - Kênh Ranh Phú Thuận - Long Xuyên	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Rạch Bờ Ao - Kênh Ranh Phú Thuận - Long Xuyên (Trần Phú - Bến cảng KCN)
		- Rạch Bờ Ao - Kênh Tư Hẹ	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Rạch Bờ Ao - Kênh Tư Hẹ - Rạch Bờ Ao (Nhà trẻ (chợ cũ) - KDC Phú Hữu - Hết ranh thửa 153, tờ BĐ 40)

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Tên đường	Giá đất	Ghi chú
19	88	Các tuyến đường khác có độ rộng đường ≥ 3m	120	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường ≥ 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
20	89	Các tuyến đường khác có độ rộng đường < 3m	100	Sửa tên đường (Tên cũ: Các tuyến đường khác có nền đường < 3m được trải bê tông hoặc nhựa)
II	**BỔ SUNG**			
1		Đường nhựa 5,5m cặp kênh Mặc Cần Dện (thửa 153, tờ BĐ 73 (nhà ông Ngô Văn Mạnh)) - Ranh Vĩnh Trạch	1.430	Bổ sung
2		CDC Phú Hữu (vốn huyện) (Các đường còn lại)	2.310	Bổ sung
3	32	Bê tông 2m liên xã (phía Đông rạch Bờ Ao) (Cầu Phú Hòa - Ranh ấp Hòa Tây A)	390	
4		Đường đất Kênh Ba Đình (Rạch Bờ Ao - Kênh Ranh)	143	Bổ sung
III	**HỦY BỎ**			
1	90	Các tuyến còn lại	88	Huỷ bỏ

B. ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m2

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
I	**SỬA TÊN ĐƯỜNG**			
1	I	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản		
a	1	Khu vực ấp Phú Hữu, Phú An, Phú Thiện, Hòa Đông, Thanh Niên	96	
*	*	Khu vực ấp Kênh Đào, Hòa Tây B, Hòa Tây A, Phú Tây:		
		Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:)
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		
b	11	Đường đất kênh Ông Đốc (Ranh Kênh Lẫm - Kênh Cái Sắn)	44	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất kênh Ông Đốc (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đòn Dong))
		Khu vực còn lại:		
c	12	Tiếp giáp kênh cấp III	39	

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
d	13	Khu vực còn lại	33	
*	*	Khu vực ấp Đông An, Tây Bình A, Tây Bình B, Tây Bình C:		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực ấp Vĩnh Hòa, Vĩnh Trung, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh:)
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):		
d	14	Kênh Đòn Dong (Ranh Phú Hòa - Ranh Vĩnh Trạch)	61	Sửa tên đường (Tên cũ: Kênh Đòn Dong (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh))
2	II	Đất trồng cây lâu năm		
a	24	Khu vực ấp Phú Hữu, Phú An, Phú Thiện, Hòa Đông, Thanh Niên	108	
*	*	Khu vực ấp Kênh Đào, Hòa Tây B, Hòa Tây A, Phú Tây		
		Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:		Sửa tên đường (Tên cũ: Tiếp giáp Quốc lộ 80, Tỉnh lộ 943:)
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
b	35	Đường đất kênh Ông Đốc (Ranh Kênh Lẫm - Kênh Cái Sắn)	50	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất kênh Ông Đốc (Ranh Vĩnh Chánh - Kênh Đòn Dong);
*	*	Khu vực ấp Đông An, Tây Bình A, Tây Bình B, Tây Bình C:		Sửa tên đường (Tên cũ: Khu vực ấp Vĩnh Hòa, Vĩnh Trung, Vĩnh Phước, Vĩnh Thanh:)
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp I):		
c	42	Nhựa 5,5m liên xã kênh Đòn Dong (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh)	88	Sửa tên đường (Tên cũ: Nhựa 3,5m liên xã kênh Đòn Dong (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh));
d	43	Đường nhựa 3,5 m liên xã kênh Đòn Dong (Ranh Phú Hòa - Ranh Vĩnh Trạch)	66	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường đất liên xã kênh Đòn Dong (Ranh Phú Thuận - Ranh Vĩnh Khánh));
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
đ	44	Bê tông 2m liên xã kênh Mặc Cần Dện nhỏ (Cầu Đình – Kênh Thanh Niên)	55	Sửa tên đường (Tên cũ: Bê tông 2m liên xã kênh Mặc Cần Dện nhỏ (Cầu Đình - Hết đường bê tông));
e	45	Đường cấp phối liên xã kênh Mặc Cần Dện nhỏ (Cầu Đình - Kênh Thanh Niên)	55	Sửa tên đường (Tên cũ: Đường cấp phối liên xã kênh Mặc Cần Dện nhỏ (Cầu Đình - Hết đường bê tông));
II	**BỔ SUNG**			
I	I	Đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản		
1	1	Khu vực ấp Phú Hữu, Phú An, Phú Thiện, Hòa Đông, Thanh Niên	96	
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		
2		Kênh Đòn Dong (Ranh Phú Hòa - Ranh Vĩnh Trạch)	44	Bổ sung
3		Kênh Mặc Cần Dện Nhỏ (Cầu Đình - Kênh Thanh Niên)	53	Bổ sung

TT	Số TT PL100 theo Nghị quyết số 16/2025/NQ-HĐND	Loại đất	Giá đất	Ghi chú
4		Kênh Lẫm (Kênh Ông Đốc - Kênh T7)	53	Bổ sung
2	II	Đất trồng cây lâu năm		
a	24	Khu vực ấp Phú Hữu, Phú An, Phú Thiện, Hòa Đông, Thanh Niên	108	
*	*	Tiếp giáp lộ giao thông nông thôn, đường liên xã, giao thông thủy (kênh cấp II):		
b		Kênh Lẫm (Kênh Ông Đốc - Kênh T7)	60	Bổ sung